

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG QUÝ IV NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Bệnh viện Thành phố Thủ Đức là bệnh viện hạng I với tổng số giường kế hoạch được Sở Y tế giao là 800 giường.

Sau 14 năm hoạt động, Bệnh viện đã tạo được sự tin tưởng của người dân tại địa bàn quận cũng như các vùng lân cận. Bệnh viện luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Sở Y tế và Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức cùng với sự hỗ trợ tích cực của các Ban ngành đoàn thể đã tạo tiền đề tốt cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, số lượng người bệnh đến khám chữa bệnh tại bệnh viện giảm, trung bình khoảng 3.500 lượt/ngày, chất lượng phục vụ ngày một được cải thiện và bệnh viện tiếp tục triển khai các kỹ thuật cao, kỹ thuật mới để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe và đem lại sự hài lòng cho người bệnh khi đến Bệnh viện.

II. NỘI DUNG

2.1. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUÝ IV NĂM 2021

a. Chỉ số chất lượng bệnh viện

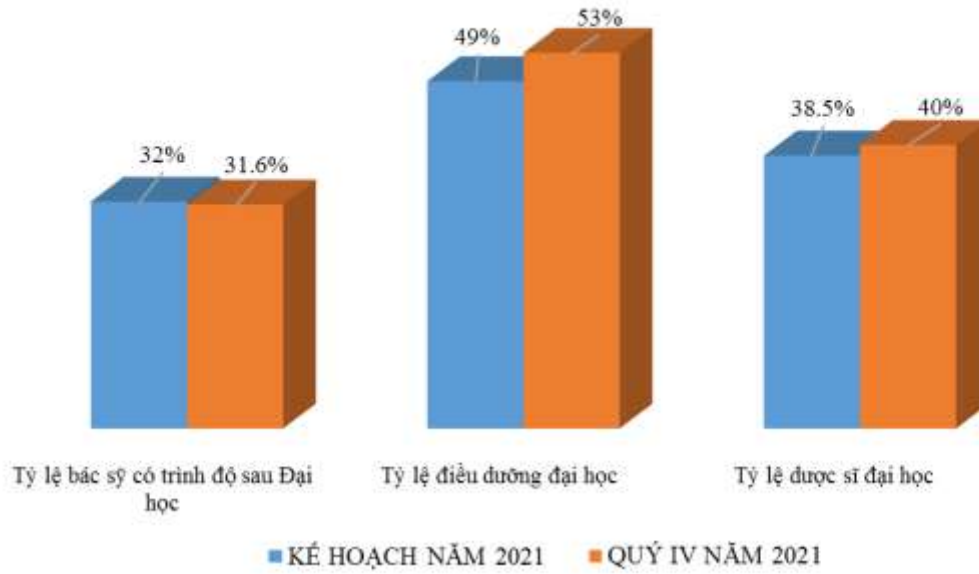
STT	TÊN CHỈ SỐ	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	QUÝ IV NĂM 2021	ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT
1	Tỷ lệ bác sỹ có trình độ sau Đại học	$\geq 32\%$	31,6% (180/570)				Không đạt
2	Tỷ lệ điều dưỡng đại học	$\geq 49\%$	53% (478/899)				Đạt
3	Tỷ lệ dược sỹ đại học	$\geq 38,5\%$	40% (35/88)				Đạt
4	Tỷ lệ bác sỹ/điều dưỡng	$\geq 0,62$	0,63 (570/899)				Đạt
5	Tỷ lệ bác sỹ/tổng số giường bệnh	$\geq 0,8$	0,7 (570/800)				Không đạt

6	Tỷ lệ điều dưỡng/tổng số giường bệnh	$\geq 1,2$	1,1 (899/800)				Không đạt
7	Tỷ lệ dược sỹ/tổng số giường bệnh	$\geq 0,12$	0,11 (88/800)				Không đạt
8	Tỷ lệ điều dưỡng/người bệnh chăm sóc cấp I tại khối Hồi sức	$\geq 1/2$	0,5	0,2	0,5	0,4	Không đạt
9	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 72\%$	77,9%	71,2%	73,2%	74,12%	Đạt
10	Tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện hiện mắc	$\leq 1,8\%$	1,3%	2,7%	2%	2,02%	Không đạt
11	Tỷ lệ tuân thủ quy trình kỹ thuật tiêm an toàn	$\geq 90\%$	100%	100%	100%	100%	Đạt
12	Tỷ lệ người bệnh điều trị nội trú loét do tỳ đè	$\leq 0,1\%$	0,07%	0%	0%	0,023%	Đạt
13	Tỷ lệ người bệnh điều trị nội trú bị viêm phổi do ứ đọng	$\leq 0,1\%$	0%	0%	0%	0%	Đạt
14	Tỷ lệ điều dưỡng tuân thủ quy trình chăm sóc điều dưỡng	$\geq 90\%$	96,2%	85%	88,6%	89,93%	Không đạt
15	Tỷ lệ người bệnh điều trị nội trú được thực hiện thuốc theo đúng chỉ định bác sỹ	$\geq 90\%$	97%	100%	100%	99%	Đạt
16	Tỷ lệ người bệnh điều trị nội trú được điều dưỡng, hộ sinh tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe	$\geq 90\%$	96,55%	100%	100%	98,85%	Đạt
17	Tỷ lệ sự cố y khoa do dùng thuốc	$\leq 0,1\%$	0%				Đạt
18	Tỷ lệ số sự cố báo cáo đúng quy định	$\geq 60\%$	90,7% (39/43)				Đạt
19	Tỷ lệ số sự cố lặp lại	$\leq 32\%$	9,3% (4/43)				Đạt

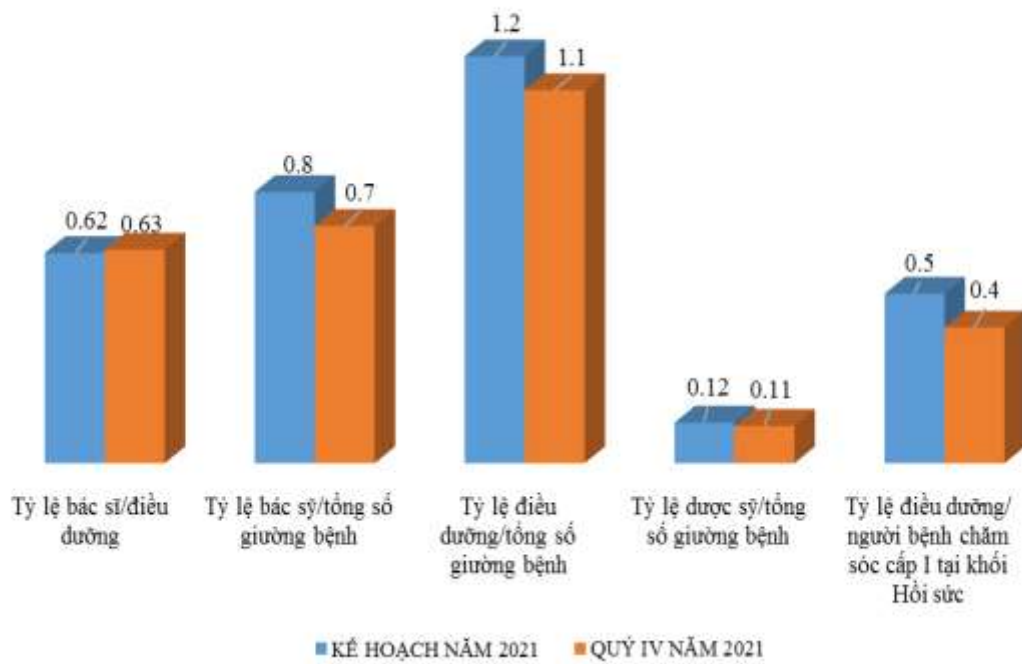
20	Tỷ lệ tuân thủ việc sử dụng ít nhất 3 yếu tố định danh trong nhận dạng đúng người bệnh	$\geq 50\%$	73%				Đạt
21	Thời gian nằm viện trung bình của người bệnh	≤ 5 ngày	4,73 ngày				Đạt
22	Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 86\%$	42,66%				Không đạt
23	Thời gian chờ khám bệnh trung bình của người bệnh	≤ 48 phút	25,5 phút	41,2 phút	36 phút	34,23 phút	Đạt
24	Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên Khám chữa bệnh	$\leq 1\%$	0,37%				Đạt
25	Tỷ lệ hài lòng của người bệnh ngoại trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 83\%$	86,3%				Đạt
26	Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 87\%$	87,6%				Đạt
27	Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế	$\geq 96\%$					
28	Tỷ lệ nhân viên khám sức khỏe định kỳ	$\geq 90\%$	93,26%				Đạt
29	Tỷ lệ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn	$\leq 1\%$	0%				Đạt

Nhận xét: Trong 29 chỉ số chất lượng bệnh viện đã đặt ra có 01 chỉ số không thực hiện trong quý IV năm 2021 là Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế. Trong 28 chỉ số được theo dõi thì có 08 chỉ số **không đạt** được mục tiêu đề ra: Tỷ lệ bác sỹ có trình độ sau Đại học, Tỷ lệ bác sỹ/tổng số giường bệnh, Tỷ lệ bác sỹ/tổng số giường bệnh, Tỷ lệ được sỹ/tổng số giường bệnh, Tỷ lệ điều dưỡng/người bệnh chăm sóc cấp I tại khối Hồi sức, Tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện hiện mắc, Tỷ lệ điều dưỡng tuân thủ quy trình chăm sóc điều dưỡng và Công suất sử dụng giường bệnh thực tế.

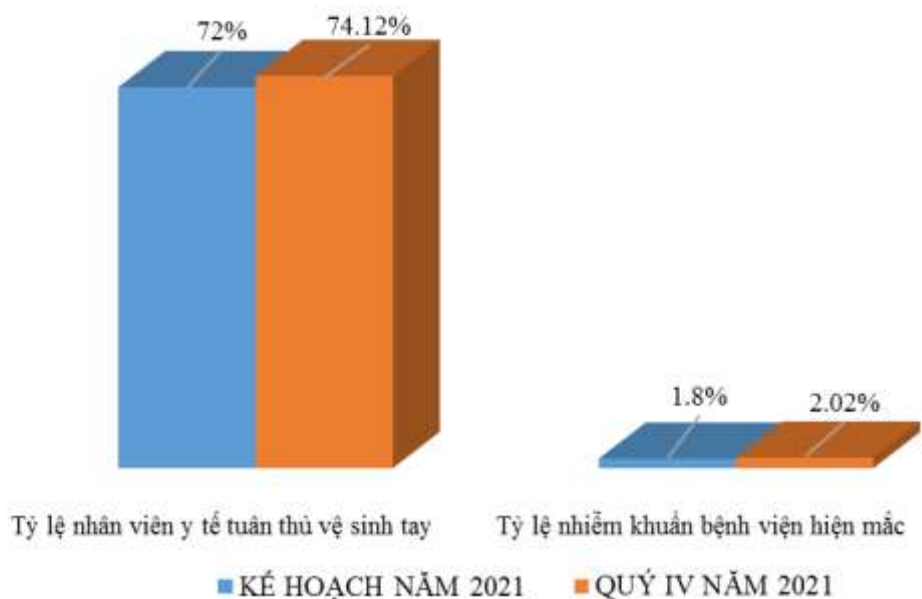
NHÓM CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN



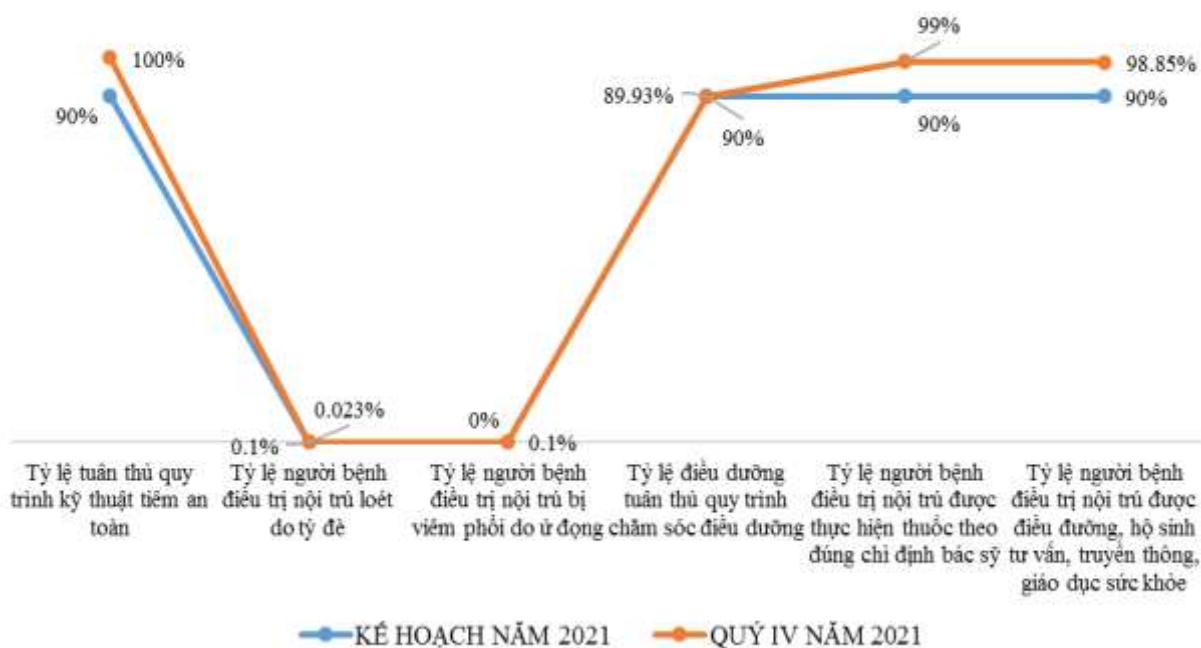
NHÓM CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN



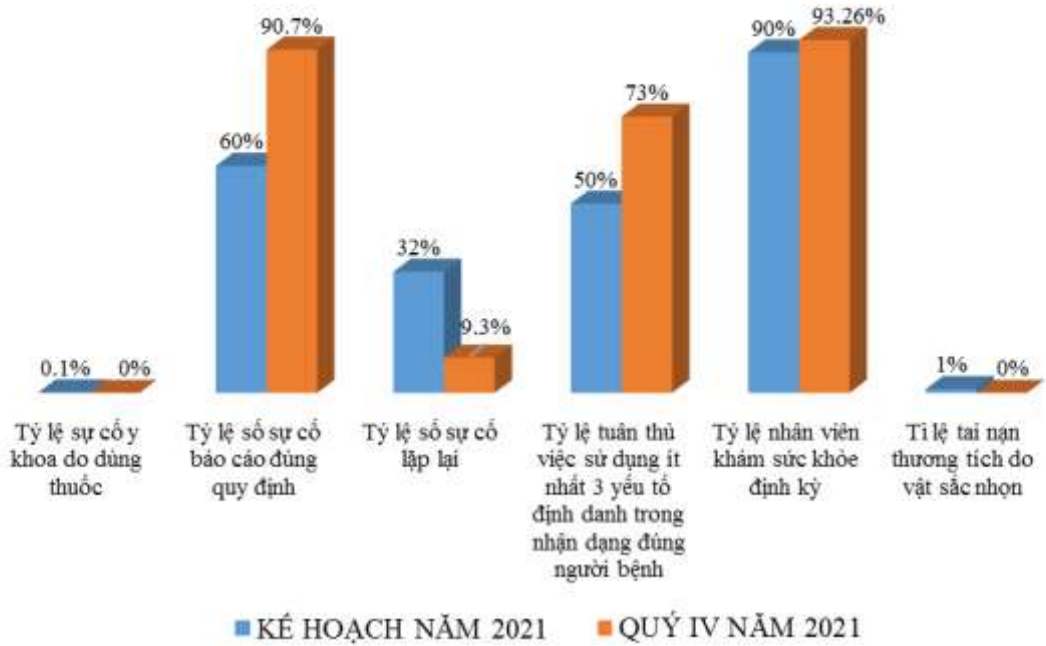
NHÓM CHỈ SỐ VỀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN



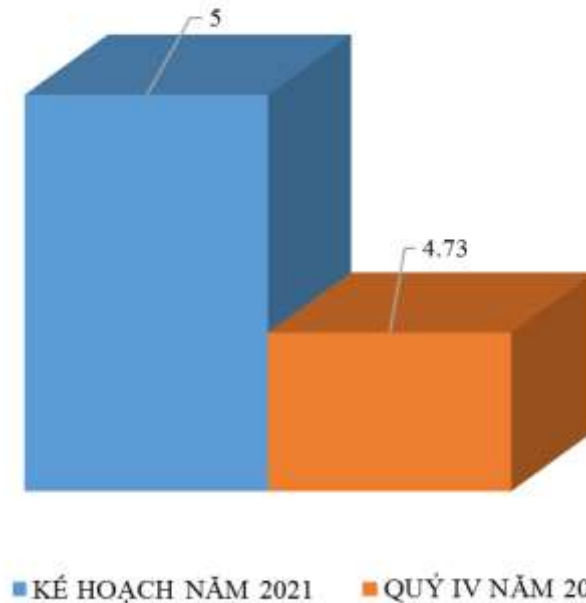
NHÓM CHỈ SỐ VỀ AN TOÀN CHẤT LƯỢNG ĐIỀU DƯỠNG

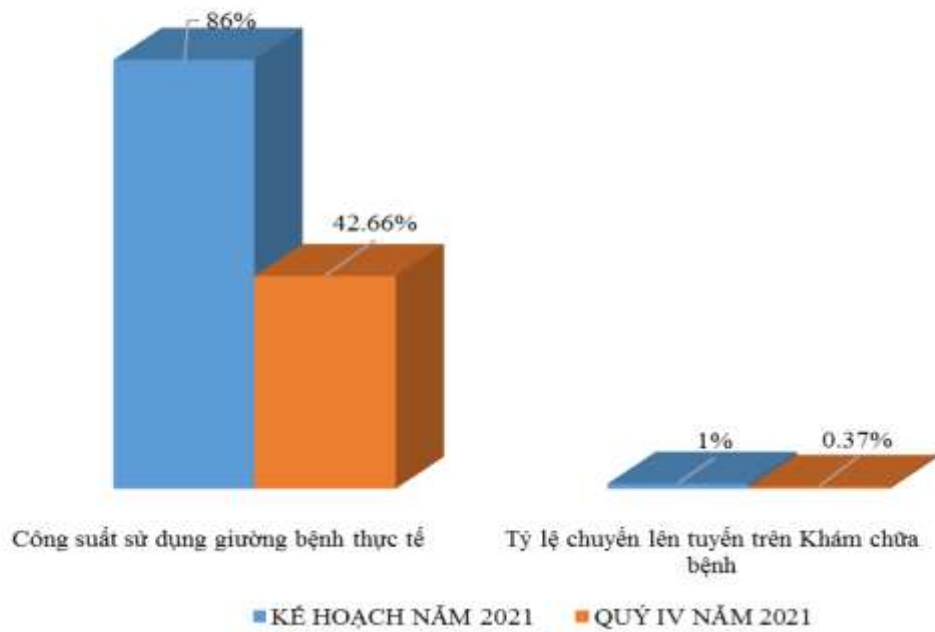
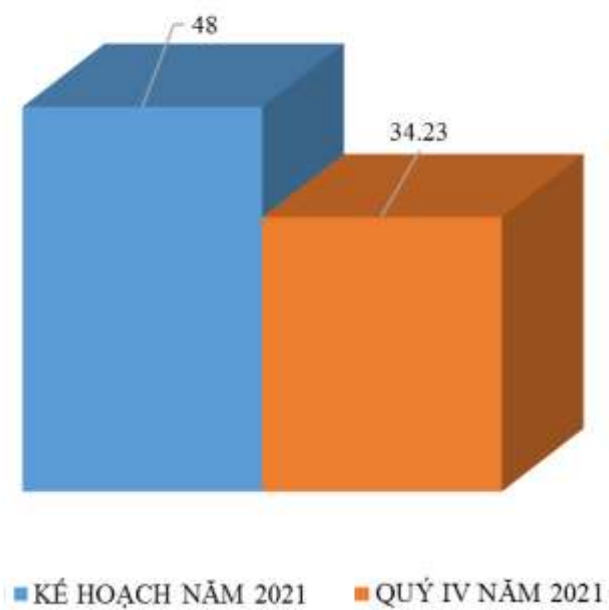


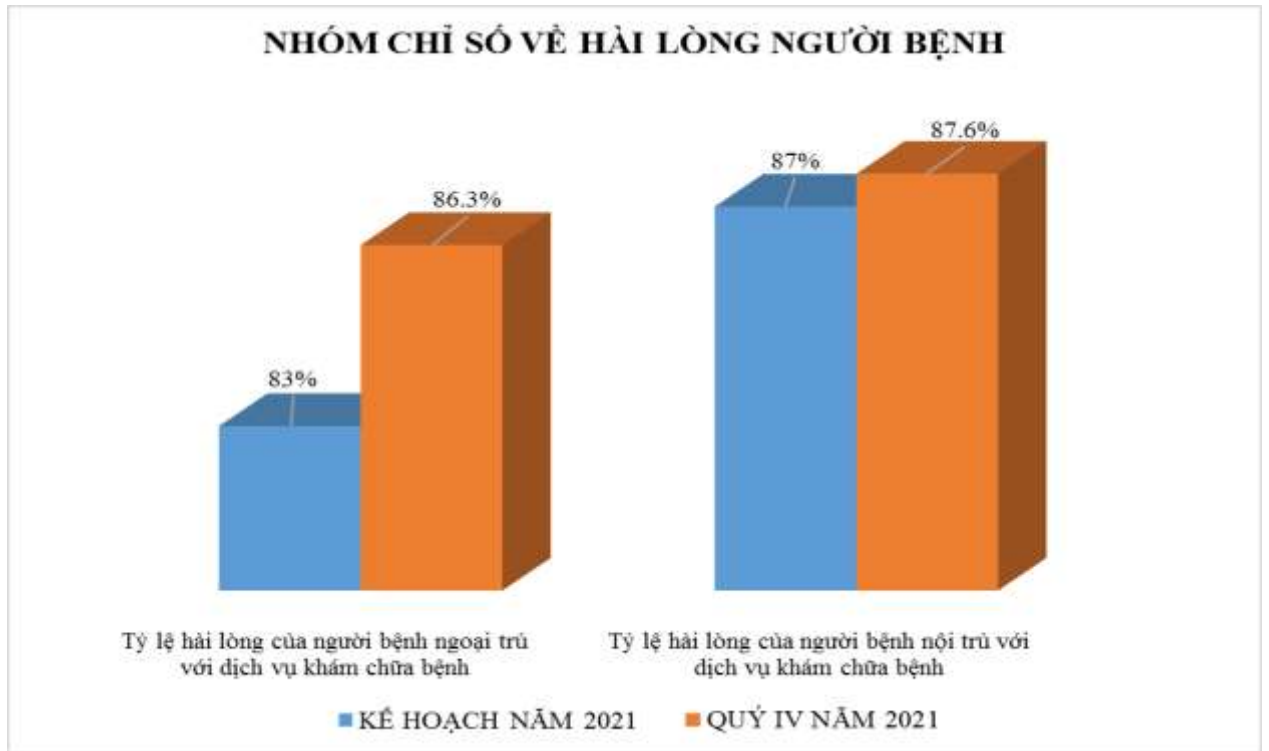
CHỈ SỐ VỀ SỰ CỐ, AN TOÀN NGƯỜI BỆNH VÀ NHÂN VIÊN Y TẾ



CHỈ SỐ VỀ THỜI GIAN NÀM VIỆN TRUNG BÌNH CỦA NGƯỜI BỆNH (NGÀY)



NHÓM CHỈ SỐ VỀ HIỆU SUẤT**CHỈ SỐ VỀ THỜI GIAN CHỜ KHÁM TRUNG BÌNH CỦA NGƯỜI BỆNH (PHÚT)**



b. Chỉ số chất lượng các phòng khoa

STT	TÊN PHÒNG/ KHOA	TÊN CHỈ SỐ	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	QUÝ IV NĂM 2021	ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT
1	Khoa Cấp cứu	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$			55,56%	55,56%	Không đạt
2	Khoa Hồi sức tích cực chống độc	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 80\%$	100%		93,75%	96,88%	Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 8 ngày	9,43 ngày			Không đạt	
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%			Đạt	
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 80\%$	79,44%			Không đạt	
3	Khoa Hồi sức tim mạch	Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%			Đạt	
4	Khoa Dinh dưỡng tiết chế	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 80\%$			63,64%	63,64%	Không đạt

		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%			Đạt	
		Tỷ lệ bệnh nhân nội trú được đánh giá, theo dõi và can thiệp dinh dưỡng đúng theo quy định	$\geq 70\%$	65%			Không đạt	
		Tỷ lệ cung cấp suất ăn dinh dưỡng cho bệnh nhân nội trú	$\geq 70\%$	54,52%			Không đạt	
5	Khoa Mắt	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$	100%		80%	90%	Đạt
6	Khoa Nội thận – Thận nhân tạo	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$	95%		100%	97,5%	Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 7 ngày	1,5 ngày			Đạt	
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	$\geq 90\%$	100%			Đạt	
7	Khoa Nội tiết	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$	50%	0%	77,78%	42,59%	Không đạt
		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	94,34%			Đạt	
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 90\%$	52,64%			Không đạt	
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	$\geq 90\%$	100%			Đạt	
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 5 ngày	4,31 ngày			Đạt	
8	Khoa Nội Tim mạch lão học	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 80\%$	80%		85,71%	82,86%	Đạt

		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 85\%$	95,08%				Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 5 ngày	5,29 ngày				Không đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 80\%$	60,84%				Không đạt
9	Khoa Nội Tổng hợp	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$	38,1%	63,16%	57,75%	53%	Không đạt
		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	81,14%				Không đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 6 ngày	5,59 ngày				Đạt
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	$\geq 95\%$	100%				Đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 95\%$	66,66%				Không đạt
				Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$	64,71%	80%	60%
10	Khoa Nội Thần kinh	Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	93,73%				Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 4 ngày	3,92 ngày				Đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	100%	47,91%				Không đạt
				Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 80\%$	78,57%	86,67%	69,01%
11	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 80\%$	78,57%	86,67%	69,01%	78,08%	Không đạt

		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	90,87%				Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 6 ngày	5,55 ngày				Đạt
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	$\geq 95\%$	100%				Đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	100%	60,67%				Không đạt
12	Khoa Ngoại Lồng ngực mạch máu	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$	100%		87,5%	93,75%	Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 7 ngày	5,73 ngày				Đạt
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%				Đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 80\%$	23,43%				Không đạt
13	Khoa Tiết niệu nam khoa	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	100%	71,43%	33,33%	64,71%	56,49%	Không đạt
		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 80\%$	86,93%				Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 4 ngày	3,57 ngày				Đạt
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%				Đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	100%	42,85%				Không đạt
14	Khoa Ngoại tổng hợp	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 95\%$		54,55%	46,67%	50,61%	Không đạt

		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	94,43%				Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 4 ngày	5,08 ngày				Không đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 95\%$	86,2%				Không đạt
15	Khoa Ung bướu	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$	87,5%	83,33%	52%	74,28%	Không đạt
		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	88,19%				Không đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 6 ngày	4,94 ngày				Đạt
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%				Đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	100%	117,22%				Đạt
16	Khoa Ngoại Thần kinh	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 50\%$	40%	14,29%	75%	43,1%	Không đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 7 ngày	7,55 ngày				Không đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 90\%$	33,3%				Không đạt
17	Khoa Nhi	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 80\%$	80%	66,67%	77,78%	74,82%	Không đạt
		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	85,74%				Không đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 5 ngày	3,7 ngày				Đạt

		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%				Đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 90\%$	24,79%				Không đạt
18	Khoa Răng Hàm Mặt	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 80\%$	/	/	83,33%	83,33%	Đạt
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%				Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 4 ngày	5,83 ngày				Không đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 60\%$	22,63%				Không đạt
19	Khoa Sản	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 50\%$	/	/	52,63%	52,63%	Đạt
		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	91,58%				Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 4 ngày	2,98 ngày				Đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 90\%$	41,74%				Không đạt
20	Khoa TMH	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 90\%$	72,73%	/	90,91%	81,82%	Không đạt
		Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	$\geq 90\%$	92,15%				Đạt
		Thời gian nằm viện trung bình	≤ 4 ngày	4,13 ngày				Không đạt
		Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	$\geq 95\%$	15,1%				Không đạt

21	Khoa YHCT	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 99\%$	92,59%	100%	100%	97,53%	Không đạt
22	Khoa Gây mê hồi sức	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 70\%$	95,83%	80%	88,46%	88,1%	Đạt
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	$\geq 97\%$	100%			Đạt	
23	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 99\%$	61,54%	93,75%		77,65%	Không đạt
		Tỷ lệ thực hiện mũi tiêm an toàn	100%	100%			Đạt	
24	Khoa huyết học truyền máu	Tỉ lệ nhân mẫu xét nghiệm được ghi đầy đủ thông tin, chính xác	$\geq 95\%$	99,99%			Đạt	
		Tỉ lệ hóa chất, sinh phẩm, vật tư được cung cấp đúng và đầy đủ	$\geq 90\%$	91,9%			Đạt	
		Tỉ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú đối với dịch vụ của phòng lấy máu và khoa xét nghiệm	$\geq 60\%$	84,8%			Đạt	
25	Khoa Hóa sinh	Tỷ lệ từ chối mẫu	$\leq 5\%$	0,7%			Đạt	
		Tỷ lệ xét nghiệm gửi mẫu phòng xét nghiệm tham chiếu	$\leq 2\%$	2%			Đạt	
		Tỷ lệ hài lòng của nội bộ nhân viên khoa Hóa sinh về thái độ và tác phong làm việc tại khoa	$\geq 80\%$	92,85%			Đạt	

26	Khoa Vi sinh	Tỷ lệ ngoại nhiễm của xét nghiệm cấy máu trên chai BHI 2 phase tại khoa Hồi sức tích cực – chống độc (ICU-A)	$\leq 5\%$	0%				Đạt
		Tỷ lệ thực hiện ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử (HBV-PCR và HCV-PCR) đạt	$\geq 80\%$	37,5%				Không đạt
		Thời gian trả kết quả xét nghiệm Corona virus đúng hạn và chính xác không nhầm lẫn thông tin khách hàng	$\geq 95\%$	100%				Đạt
27	Khoa Thăm dò chức năng	Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay	$\geq 75\%$	93,33%	90%	79,17%	92,59%	Đạt

Nhận xét:

- Tỷ lệ nhân viên y tế tuân thủ vệ sinh tay: Trong 23 khoa được thực hiện giám sát trong quý 3 năm 2021 thì chỉ có 09 khoa đạt mục tiêu đề ra. Khoa có tỷ lệ nhân viên tuân thủ vệ sinh tay cao nhất là khoa Nội Thận – Thận nhân tạo với tỷ lệ 97,5% và khoa có tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay thấp nhất là khoa Nội tiết với tỷ lệ 42,59%, khoa Ngoại Thần kinh với tỷ lệ 43,1%.

- Tỷ lệ tuân thủ quy trình kỹ thuật tiêm an toàn: Có 14 khoa được theo dõi giám sát thì tất cả đều đạt mục tiêu đề ra và đều đạt tỷ lệ tuân thủ quy trình kỹ thuật tiêm an toàn tuyệt đối là 100%.

- Thời gian nằm viện trung bình: Trong 16 khoa lâm sàng có điều trị nội trú thì có 06 khoa **không đạt** mục tiêu đề ra về thời gian nằm viện trung bình. Khoa có thời gian nằm viện trung bình cao nhất là khoa Hồi sức tích cực chống độc với 9,43 ngày và khoa có thời

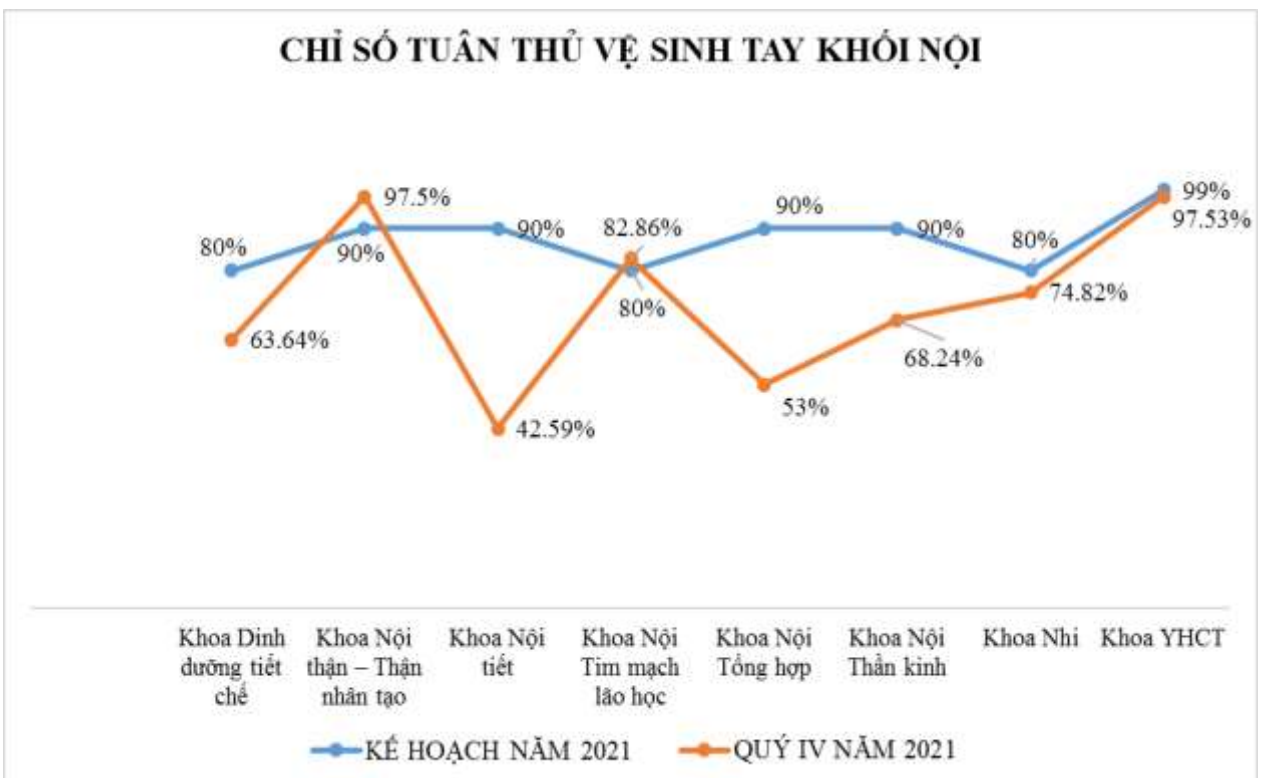
gian nằm viện trung bình thấp nhất là khoa Nội thận – Thận nhân tạo với 1,5 ngày, khoa Sản với 2,98 ngày.

- Công suất sử dụng giường bệnh thực tế tại các khoa: Trong 15 khoa được đánh giá thì chỉ có 01 khoa Ung bướu đạt mục tiêu đề ra với 117,22% và có đến 15 khoa **không đạt** mục tiêu đề ra về công suất sử dụng giường bệnh.

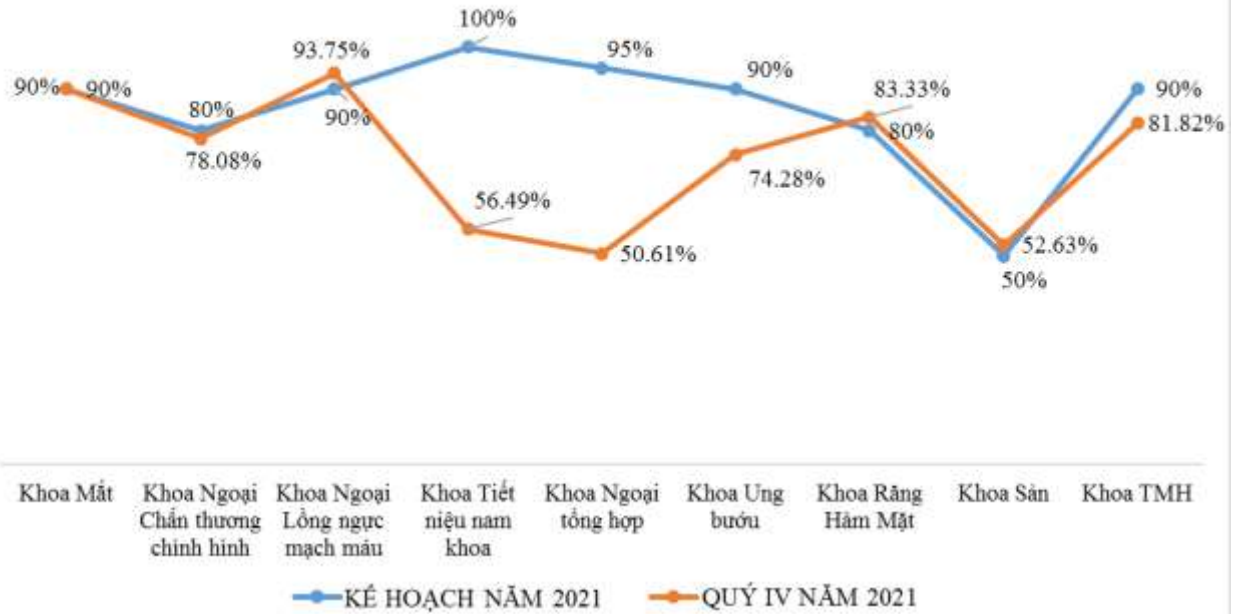
- Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh: Trong 11 khoa được theo dõi về chỉ số tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh thì chỉ có 03 khoa **không đạt** mục tiêu đề ra: Khoa Nội tổng hợp (81,14%), Khoa Ung bướu (88,19%), Khoa Nhi (85,74%)..

- Chỉ số chuyên khoa Dinh dưỡng tiết chế: Có 02 chỉ số được theo dõi đánh giá tình trạng thực hiện công tác dinh dưỡng tại các khoa lâm sàng: Tỷ lệ bệnh nhân nội trú được đánh giá, theo dõi và can thiệp dinh dưỡng đúng theo quy định và tỷ lệ cung cấp suất ăn dinh dưỡng cho bệnh nhân nội trú. Cả 2 chỉ số đều **không đạt** được mục tiêu kế hoạch đề ra.

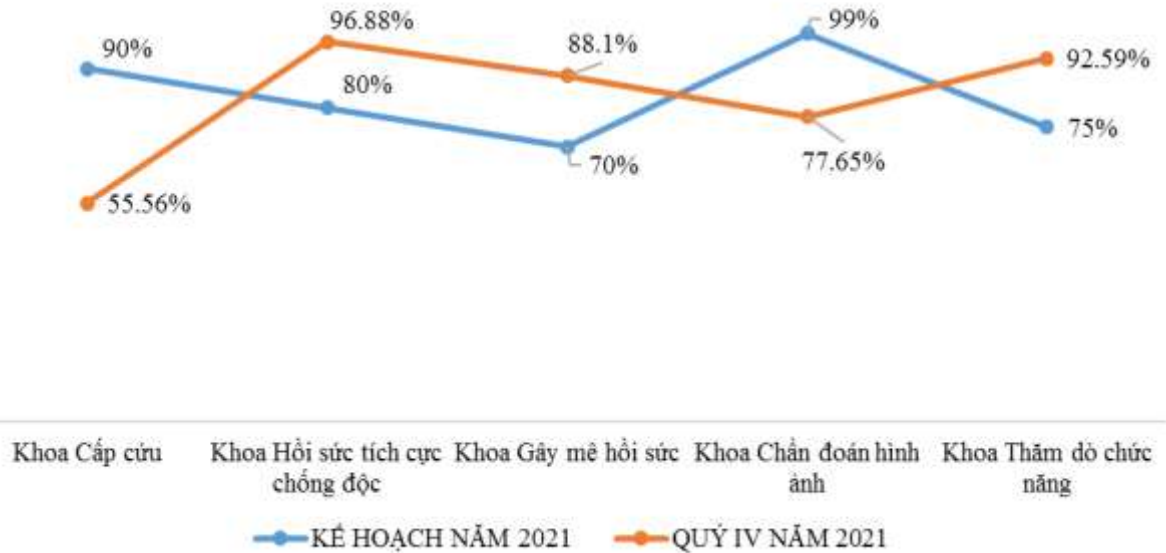
- Nhóm chỉ số khối xét nghiệm: Có 09 chỉ số chất lượng được xây dựng, theo dõi đánh giá chất lượng hoạt động của khối xét nghiệm theo 03 giai đoạn, trước, trong và sau xét nghiệm. Trong đó có 01 chỉ số được đánh giá **không đạt** mục tiêu kế hoạch đề ra: Tỷ lệ thực hiện ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử (HBV – PCR và HCV – PCR) đạt (37,5%).

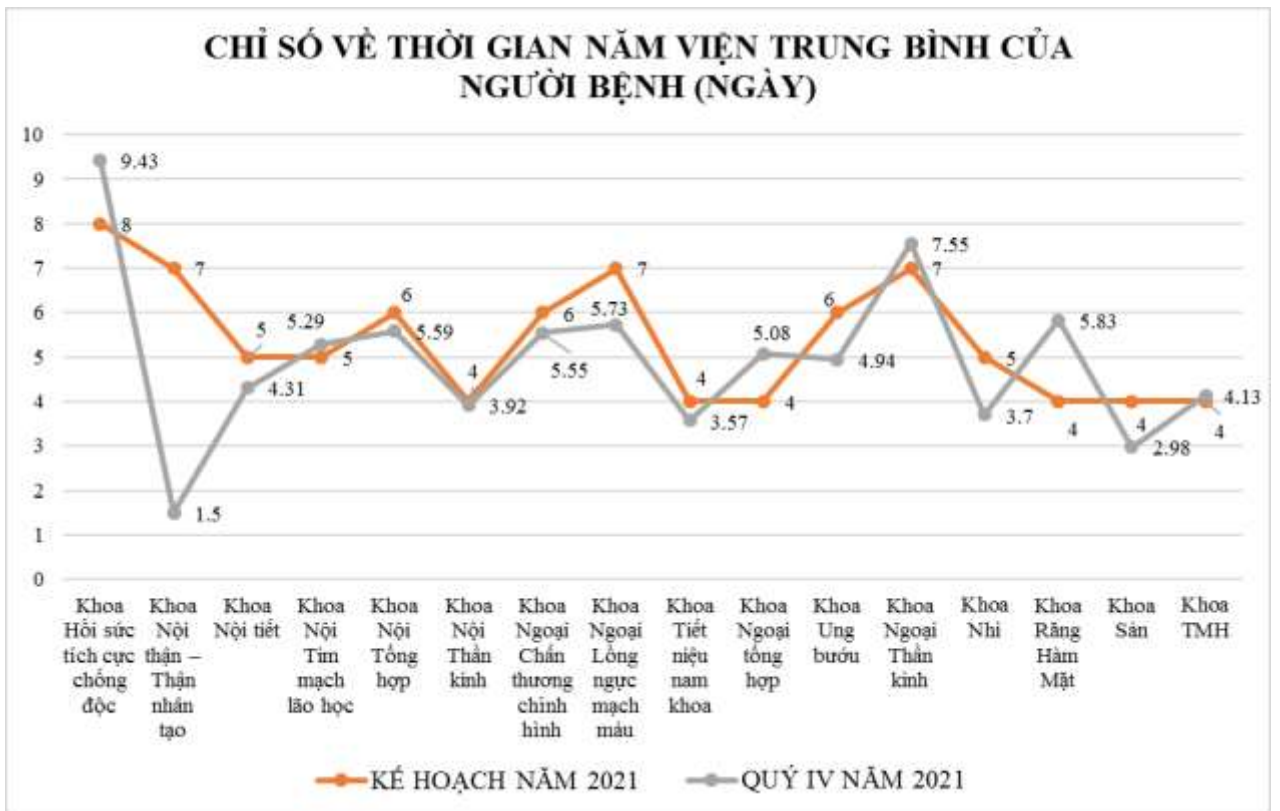
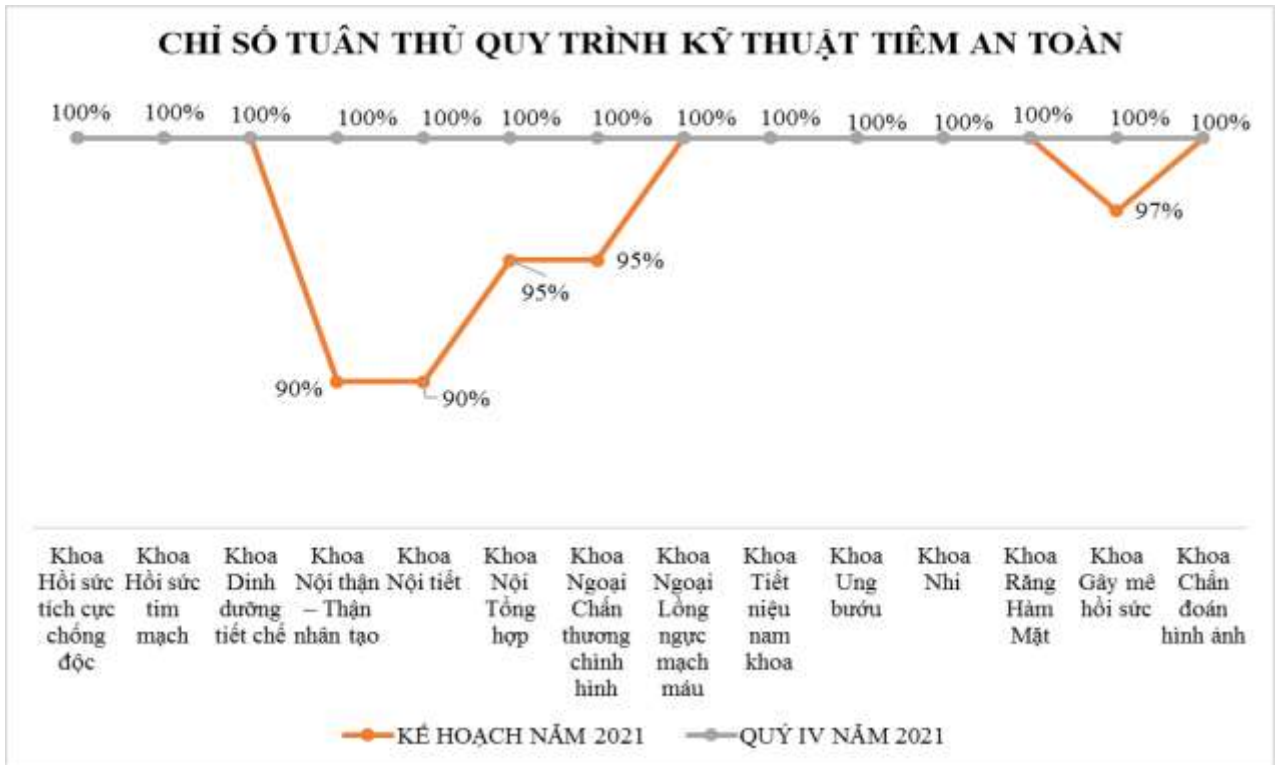


CHỈ SỐ TUÂN THỦ VỆ SINH TAY KHỎI NGOẠI

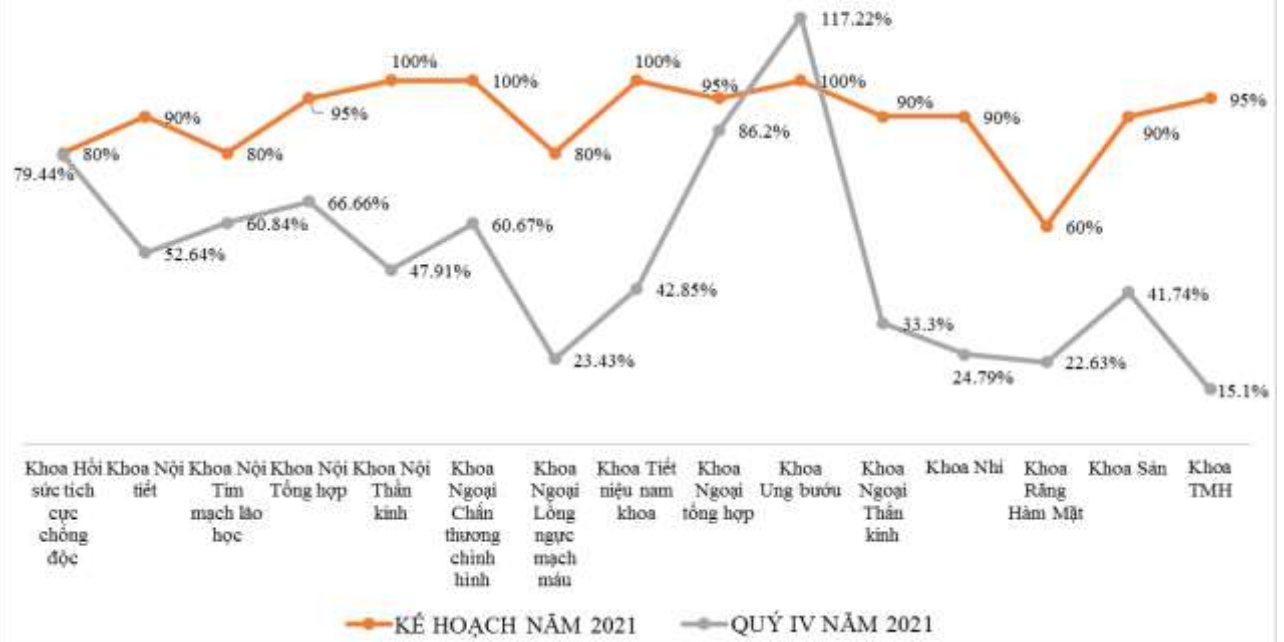


CHỈ SỐ TUÂN THỦ VỆ SINH TAY KHỎI HỒI SỨC VÀ KHỎI CẶN LÂM SÀNG

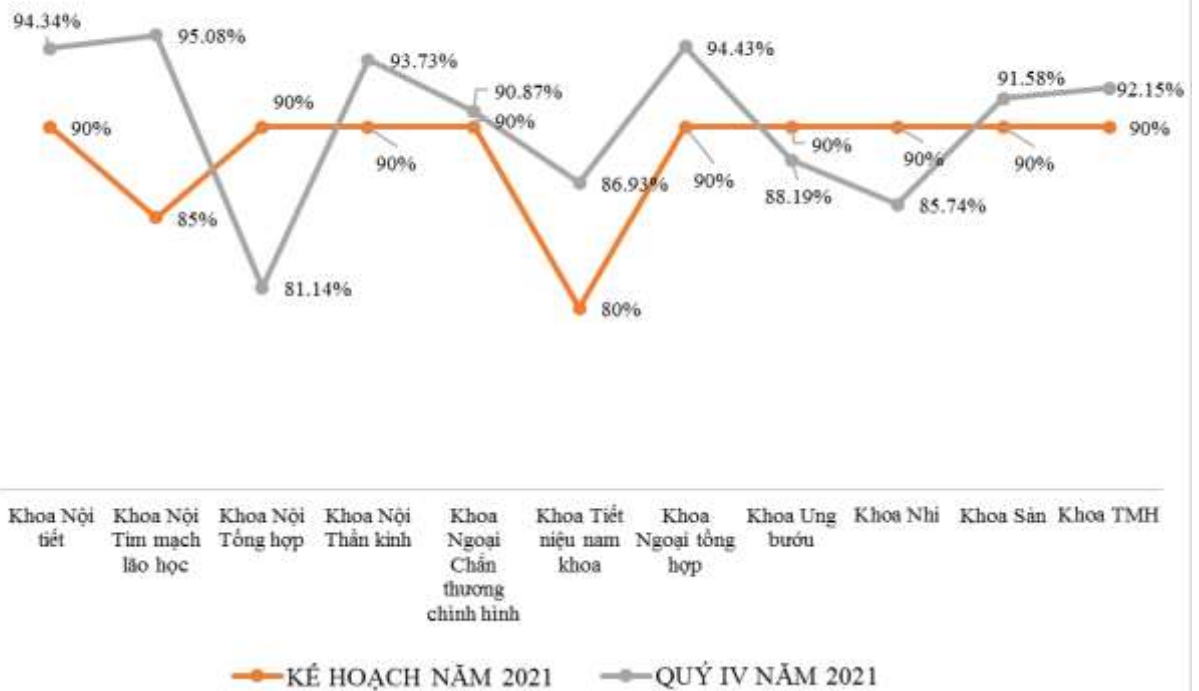




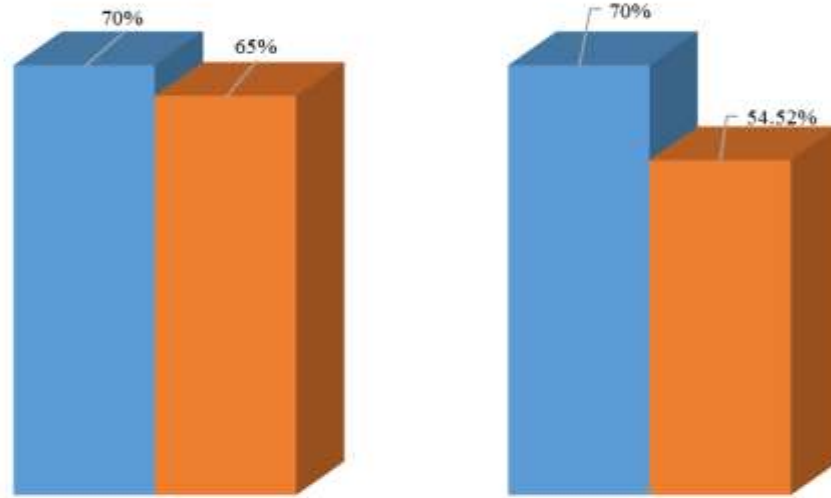
CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG VỀ CÔNG SUẤT SỬ DỤNG GIƯỜNG BỆNH



CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG VỀ HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ



CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG VỀ CÔNG TÁC DINH DƯỠNG TIẾT CHẾ

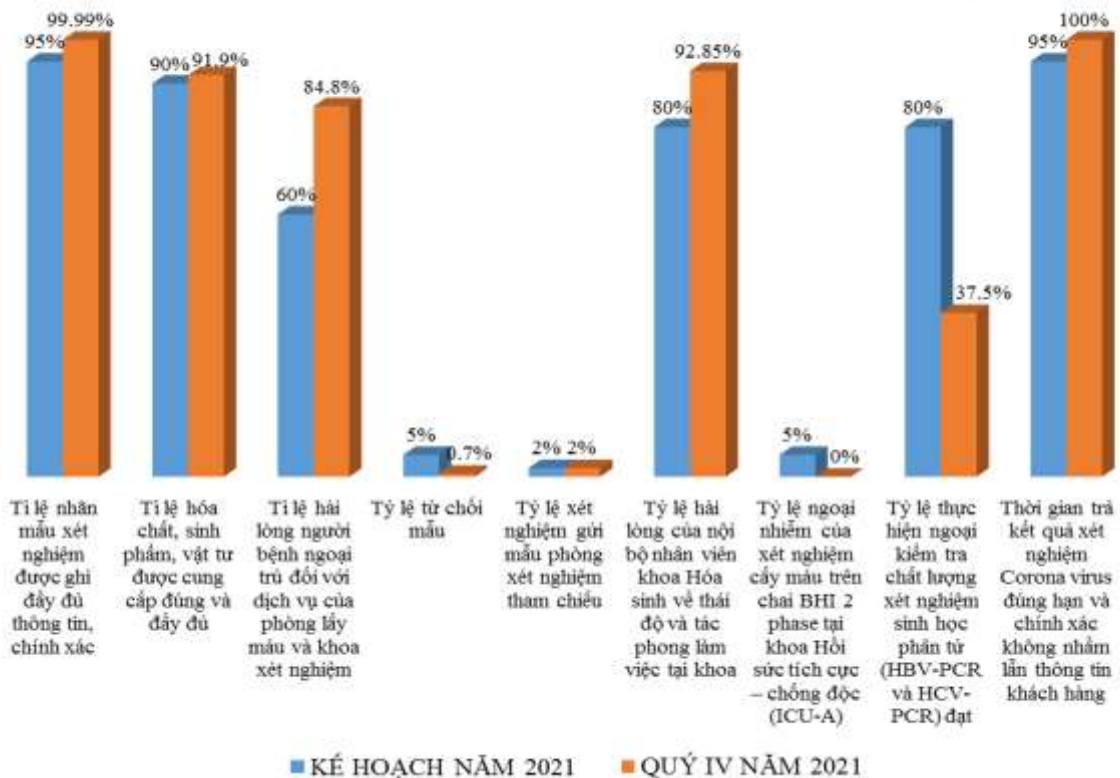


Tỷ lệ bệnh nhân nội trú được đánh giá, theo dõi và can thiệp dinh dưỡng đúng theo quy định

Tỷ lệ cung cấp suất ăn dinh dưỡng cho bệnh nhân nội trú

■ KẾ HOẠCH NĂM 2021 ■ QUÝ IV NĂM 2021

CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CỦA 3 KHOA XÉT NGHIỆM



■ KẾ HOẠCH NĂM 2021 ■ QUÝ IV NĂM 2021

III. KHUYẾN NGHỊ

1. Chỉ số chất lượng bệnh viện

- Tuyển dụng thêm nhân sự thay thế cho những vị trí thiếu hụt do nhân viên nghỉ việc.
- Tăng cường thêm nhân sự cho khối hồi sức, đặc biệt là điều dưỡng.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo cho nhân viên y tế bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn.
- Tiếp tục thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định, quy trình về kiểm soát nhiễm khuẩn trong vệ sinh tay, các kỹ thuật, thủ thuật; nhiễm khuẩn bệnh viện trong toàn bệnh viện. Dựa vào kết quả giám sát để đưa ra các can thiệp phù hợp nhằm làm tăng tỉ lệ tuân thủ về kiểm soát nhiễm khuẩn, giảm tỉ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát đối với điều dưỡng, thực hiện hướng dẫn, đào tạo lại cho nhân viên có kết quả giám sát chưa đạt.
- Tăng cường hoạt động khám chữa bệnh nội trú, nâng cao công suất sử dụng giường bệnh tại các khoa.
- Nâng cao chất lượng chăm sóc của hệ điều dưỡng tại các khoa lâm sàng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát của điều dưỡng trưởng và phòng điều dưỡng.

2. Chỉ số chất lượng các phòng khoa

- Tiếp tục thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định, quy trình về kiểm soát nhiễm khuẩn trong vệ sinh tay, các kỹ thuật, thủ thuật; nhiễm khuẩn bệnh viện trong toàn bệnh viện. Dựa vào kết quả giám sát để đưa ra các can thiệp phù hợp nhằm làm tăng tỉ lệ tuân thủ về kiểm soát nhiễm khuẩn, giảm tỉ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Các khoa thực hiện tuân thủ quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị của bác sỹ và tăng cường công tác chăm sóc của điều dưỡng.
- Lãnh đạo các khoa tăng cường giám sát hoạt động chuyên môn của nhân viên tại các khoa.
- Khoa lâm sàng tăng cường công tác tư vấn dinh dưỡng và tầm quan trọng khi tuân thủ Dinh dưỡng trong điều trị.
- Xây dựng thực đơn bệnh lý đa dạng và có kiểm soát việc chế biến, cung cấp suất ăn cho người bệnh.
- Tăng cường công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong cung cấp suất ăn cho người bệnh, thức ăn đưa đến người bệnh vào đúng giờ ăn, ấm nóng, màu sắc, mùi vị kích thích.

- Tăng cường công tác đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh nội và ngoại trú, thực hiện theo dõi và can thiệp đúng quy định. Tham gia mời hội chẩn dinh dưỡng cho các trường hợp bệnh nặng, cần hội chẩn chuyên khoa dinh dưỡng.

- Đẩy mạnh việc quản lý chất lượng xét nghiệm hơn trong tình hình dịch bệnh, không chỉ tập trung vào xét nghiệm Covid-19 mà không chú ý đến các xét nghiệm khác. Khoa Vi sinh tiến hành rà soát lại toàn bộ quy trình thực hiện xét nghiệm HCV-PCR tìm nguyên nhân khắc phục sự cố.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

- Tuyển dụng thêm nhân sự thay thế cho những vị trí thiếu hụt do nhân viên nghỉ việc.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo cho nhân viên y tế bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống Covid 19 tại bệnh viện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Thực hiện dự trữ và cung cấp kịp thời các dung dịch vệ sinh tay, vật tư đảm bảo công tác phòng dịch.
- Tăng cường công tác giám sát từ phòng Kế hoạch tổng hợp, phòng Điều dưỡng và phòng Quản lý chất lượng đến hoạt động của các khoa theo các chuyên đề, khuyến cáo của Sở Y tế.
- Tiếp tục triển khai hoạt động ghi nhận báo cáo sự cố.
- Tổ chức họp mạng lưới quản lý chất lượng hàng tháng để triển khai các nội dung về quản lý chất lượng, báo cáo sự cố, hướng dẫn và thông tin cho thành viên mạng lưới về các sự cố, xu hướng nhằm hạn chế xảy ra sự cố, đặc biệt là sự cố lặp lại.
- Thực hiện khảo sát, đánh giá thời gian chờ khám chữa bệnh của người bệnh qua các giai đoạn, từ đó đưa ra các giải pháp can thiệp làm giảm thời gian chờ của người bệnh.
- Thực hiện bố trí lại quầy đăng ký khám chữa bệnh.
- Xây dựng phương án 100% người bệnh nằm điều trị nội trú đều sử dụng suất ăn bệnh lý (trừ bệnh nhi).
- Đẩy mạnh công tác tư vấn dinh dưỡng, suất ăn bệnh lý cho người bệnh.
- Thường xuyên giám sát và hướng dẫn, nhắc nhở các khoa về việc tuân thủ hoạt động đánh giá, theo dõi và can thiệp dinh dưỡng đúng quy định cho người bệnh.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát sự hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú và nhân viên y tế.

- Bệnh viện tổ chức tập huấn quy tắc giao tiếp ứng xử cho toàn bộ NVYT hàng năm.
- Thực hiện chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 sang Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trên phạm vi Khoa Nội Thận – Thận nhân tạo. Chính sửa Sổ tay chất lượng và các qui trình mang tính hệ thống của bệnh viện. Hỗ trợ rà soát danh mục tài liệu và hồ sơ của Khoa Nội Thận – Thận nhân tạo và bổ sung các tài liệu, hồ sơ nội bộ còn thiếu.
 - Hoàn thiện hệ thống các quy trình kỹ thuật chuyên môn, quy trình phối hợp giữa các phòng, khoa, quy trình kiểm tra, giám sát.
 - Tiếp tục rà soát hệ thống các quy trình hành chính bệnh viện.
 - Thực hiện thi công xây dựng khu xét nghiệm Huyết học – Hóa sinh, xây dựng hồ sơ tiêu chuẩn ISO 15189.
 - Xây dựng lại hệ thống quản lý chất lượng khối xét nghiệm, cập nhật lại toàn bộ quy trình, biểu mẫu, hồ sơ và thực hiện thẩm định phương pháp xác định giá trị đo. Hoàn thiện và áp dụng thử nghiệm phiếu trả kết quả xét nghiệm mới.
 - Thực hiện xây dựng lại toàn bộ hệ thống bảng chỉ dẫn, sơ đồ của bệnh viện.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các phòng/khoa;
- Lưu VT.

TP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



Huỳnh Mỹ Thư